

Số: 01/2020/QĐST - VDS

Đ, ngày 28 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN GIA ĐÌNH

V/v Yêu cầu tuyên bố hủy kết hôn trái pháp luật
và yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Vũ Thị An

Thư ký phiên họp: Bà Dương Thanh Hương

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên họp: Bà Ma Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân gia đình thụ lý số 01/2020/TLST - VHNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020, về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân gia đình số 01/2020/QĐST - VHNGĐ ngày 07/12/2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

NỘI DUNG SỰ VIỆC

** Theo đơn yêu cầu, bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu là Ủy ban nhân dân huyện Đ thể hiện:*

Năm 2020, Phòng Tư pháp huyện Đ có tiếp nhận 01 hồ sơ đề nghị đăng ký cải chính hộ tịch của bà Lò Thị H, sinh ngày 17/11/1998, HKTT tại xóm ML, xã NH, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, đối với Giấy chứng nhận kết hôn số 23/2016 do UBND xã NH, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đăng ký ngày 21/3/2016 giữa chị Lò Thị H và anh Hoàng Văn T. Cụ thể, chị Lò Thị H đề nghị được cải chính lại phần khai về năm sinh của người vợ từ năm 1997 thành năm 1998 trong Giấy chứng nhận kết hôn trên để phù hợp với các giấy tờ cá nhân khác của chị H.

Qua kiểm tra, đối chiếu hồ sơ mà chị Lò Thị H cung cấp, Phòng Tư pháp huyện Đ nhận thấy Giấy chứng nhận kết hôn trên có dấu hiệu vi phạm pháp luật về Hôn nhân và gia đình. Bởi, nếu theo đề nghị của công dân Lò Thị H về việc

cải chính lại năm sinh của người vợ từ năm 1997 thành năm 1998, thì điều đó có nghĩa là, tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 21/3/2016, chị Lò Thị H chưa đủ 18 tuổi (mới được 17 tuổi 4 tháng 4 ngày) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 về điều kiện đăng ký kết hôn. Việc UBND xã NH thực hiện đăng ký kết hôn cho bà Lò Thị H và ông Hoàng Văn T đã vi phạm vào một trong các điều cấm được quy định tại khoản 2 Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Do đó, ngày 23/7/2020, phòng Tư pháp huyện Đ có văn bản số 84/TP đề nghị UBND xã NH làm rõ trường hợp đăng ký kết hôn cho công dân Lò Thị H và Hoàng Văn T đồng thời cung cấp toàn bộ hồ sơ đăng ký kết hôn nêu trên.

Ngày 29/7/2020, UBND xã NH, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên có Báo cáo số 62/BC-UBND về việc đăng ký kết hôn của công dân Hoàng Văn T và Lò Thị H (có kèm theo hồ sơ đăng ký kết hôn ngày 21/3/2016). Theo nội dung Báo cáo, UBND xã NH khẳng định việc đăng ký kết hôn nêu trên là hoàn toàn đúng quy định, căn cứ bởi Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 09/UBND-XNTTTHN ngày 08/3/2016 của UBND xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu do ông Lò Văn C – công chức Tư pháp – hộ tịch cấp cho bà Lò Thị H với thông tin về ngày, tháng, năm sinh là 17/11/1997.

Ngày 30/7/2020, phòng Tư pháp huyện Đ có Công văn số 91/TP về việc đề nghị UBND xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu phối hợp xác minh, làm rõ thông tin về công dân Lò Thị H. Theo đó, UBND xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu đã có Công văn phúc đáp số 271/UBND-TP ngày 17/8/2020, trong đó khẳng định bà Lò Thị H có ngày, tháng, năm sinh là 17/11/1998, đã được đăng ký khai sinh tại UBND xã N ngày 17/9/2002 tại số 36/2002 của Sổ đăng ký khai sinh năm 2002 hiện đang được UBND xã N lưu trữ. Đồng thời, thừa nhận có sai sót, khuyết điểm trong việc cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 09/UBND-XNTTTHN ngày 08/3/2016 cho bà Lò Thị H với thông tin về ngày, tháng, năm sinh là 17/11/1997 để thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND xã NH.

Do vậy, Ủy ban nhân dân huyện Đ nhận thấy, việc UBND xã N cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân nêu trên đã dẫn đến việc UBND xã NH thực hiện việc đăng ký kết hôn không đảm bảo về điều kiện kết hôn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Từ đó dẫn đến vi phạm vào một trong các điều cấm được quy định tại khoản 2 Điều 5 Luật này. Căn cứ quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, UBND huyện Đ yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ hủy việc kết hôn trái pháp luật nêu trên để đảm bảo

quyền và lợi ích hợp pháp của công dân cũng như đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

Người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã NH khai: Ngày 21/3/2016, UBND xã NH đã tiếp nhận hồ sơ đăng ký kết hôn của anh Lò Văn T, sinh ngày 01/3/1996 và chị Lò Thị H, sinh ngày 17/11/1997, gồm Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của Ủy ban nhân dân xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu đối với chị Lò Thị H, Tờ khai đăng ký kết hôn của anh Hoàng Văn T và chị Lò Thị H. Căn cứ các tài liệu tiếp nhận, Ủy ban nhân dân xã NH đã tiến hành các bước theo quy định để làm thủ tục đăng ký kết hôn cho anh T và chị H. Tuy nhiên, gần đây, Ủy ban nhân dân xã được biết, trong quá trình kiểm tra hồ sơ đề nghị cải chính hộ tịch của chị Lò Thị H, Phòng Tư pháp huyện Đ đã phát hiện chị H sinh ngày 17/11/1998, không phải ngày 17/11/1997 và xác định việc kết hôn của anh T và chị H đã vi phạm điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình vì tại thời điểm đăng ký kết hôn, chị H mới được 17 tuổi 04 tháng 04 ngày.

Quan điểm của UBND xã là nhất trí với yêu cầu của UBND huyện Đ về việc yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh T và chị H. Tại phiên họp, đại diện theo ủy quyền của UBND xã NH nhất trí với yêu cầu của anh T và chị H về việc công nhận quan hệ hôn nhân của anh T và chị H từ thời điểm chị H đủ tuổi kết hôn.

Người liên quan là anh T và chị H xác nhận toàn bộ nội dung theo đơn yêu cầu của UBND huyện Đ là đúng sự thật. Tuy nhiên, anh chị đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân này kể từ thời điểm chị H đủ 18 tuổi vì thực tế anh chị đã chung sống hạnh phúc và có 3 người con chung.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên họp:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý đến khi mở phiên họp, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết việc hôn nhân gia đình.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người yêu cầu, người liên quan đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết: Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân gia đình, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 361, Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 8, điểm b khoản 2 Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận đơn yêu cầu của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc hủy kết hôn trái pháp luật và chấp nhận

yêu cầu của người liên quan là anh T và chị H về việc công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H kể từ thời điểm chị H đủ tuổi kết hôn. Ủy ban nhân dân huyện Đ không phải chịu lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình, anh Hoàng Văn T và chị Lò Thị H phải chịu 300.000đ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là việc hôn nhân gia đình về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa người yêu cầu là Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên là cơ quan quản lý nhà nước về gia đình theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã NH, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên và anh Hoàng Văn T, chị Lò Thị H. Anh T và chị H đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NH nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, việc hôn nhân gia đình này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Tại phiên họp, người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu là Ủy ban nhân dân huyện Đ có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc hôn nhân gia đình vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu.

[2] Về nội dung vụ việc: Căn cứ kết quả thu thập chứng cứ trong quá trình giải quyết việc hôn nhân gia đình, có cơ sở xác định: Ngày 21/3/2016, UBND xã NH đã thực hiện việc đăng ký kết hôn cho anh Lò Văn T, sinh ngày 01/3/1996 và chị Lò Thị H, sinh ngày 17/11/1997. Hồ sơ đăng ký kết hôn thể hiện chị Lò Thị H sinh ngày 17/11/1997 nhưng trong quá trình Phòng Tư pháp huyện Đ xác minh hồ sơ đề nghị cải chính hộ tịch về năm sinh của chị Lò Thị H đã phát hiện, chị Lò Thị H sinh ngày 17/11/1998, không phải ngày 17/11/1997, nghĩa là tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 21/3/2016, chị Lò Thị H mới được 17 tuổi 4 tháng 4 ngày. Theo quy định về điều kiện kết hôn tại điểm a khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, “nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên”. Đối chiếu với quy định này cho thấy, việc đăng ký kết hôn của anh T và chị H đã vi phạm điều kiện kết hôn. Do vậy, xét yêu cầu của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc hủy kết hôn trái pháp luật là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết việc hủy kết hôn trái pháp luật theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân huyện Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Hoàng Văn T và chị Lò Thị H đều có yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, “ Trong trường hợp tại thời điểm Tòa án giải quyết yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật mà cả hai bên kết hôn đã có đủ các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật này và hai bên yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân thì Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân đó. Trong trường hợp này, quan hệ hôn nhân được xác lập từ thời điểm các bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này”. Như vậy, mặc dù tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 21/3/2016, chị H chưa đủ tuổi kết hôn nhưng kể từ ngày 17/11/2016, chị H đã đủ 18 tuổi. Theo quy định được viện dẫn trên đây, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh T và chị H, công nhận quan hệ hôn nhân của anh T và chị H kể từ ngày 17/11/2016.

[3] Về lệ phí: Căn cứ điểm d, khoản 2 Điều 11, Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Ủy ban nhân dân huyện Đ không phải chịu lệ phí Tòa án, anh Hoàng Văn T và chị Lò Thị H phải chịu 300.000đ lệ phí sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Xét quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát về tố tụng và nội dung giải quyết việc dân sự là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 , Điều 149, Điều 361, Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 8, điểm b khoản 2 Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Hoàng Văn T và chị Lò Thị H.

2. Chấp nhận yêu cầu của anh Hoàng Văn T và chị Lò Thị H về việc yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn. Công nhận quan hệ hôn nhân của anh T và chị H kể từ ngày 17/11/2016.

2. Lệ phí: Ủy ban nhân dân huyện Đ không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân gia đình. Anh Hoàng Văn T và chị Lò Thị H phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân gia đình sung quỹ Nhà nước, trong đó mỗi người phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Ủy ban nhân dân huyện Đ có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định hoặc Quyết định được niêm

yết. Ủy ban nhân dân xã NH, anh Hoàng Văn T, chị Lò Thị H có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã NH, huyện Đ;
- Lưu: HSVHNGĐ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

ĐÃ KÝ

Vũ Thị An